

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114)**

Số Tín Ch **2**

Nhóm Thi **DH18SHD_01**

Tổ Thi **002_DH18SHD_01**

Tên CBGD

Tôn Trang ảnh

Ngày Thi **18/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18126086	HuỳnhHải Long	DH18SHD	Long	1		3,1	3,9	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18126087	Nguyễn Trường Long	DH18SHB	Trường	1		3,3	4,0	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18126084	Lê Tấn Lộc	DH18SHA	Lê Tấn	1		3,3	3,5	6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
4	18126088	Lê Thị Ly	DH18SHA	Ly	1		3,6	3,7	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18126090	PhạmThảo Ly	DH18SHD	Thảo	1		3,2	3,8	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	18126091	Trần Phương Ly	DH18SHB	Phương	1		3,6	3,9	7,5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
7	18126092	Trần Thị Hồng Mai	DH18SHA	Hồng	1		3,2	3,0	6,2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	18126095	Huỳnh Thị Trà My	DH18SHB	Trà	1		—	—	—	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	18126096	Phạm Thị Kiều My	DH18SHA	Kiều	1		3,2	4,0	7,2	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	18126097	Trần Xuân Mỹ	DH18SHD	Xuân	1		3,5	3,2	6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
11	18126098	Điền Minh Nam	DH18SHD	Minh	1		3,2	3,2	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
12	18126099	Phạm Văn Nam	DH18SHD	Văn	1		3,2	3,1	6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18126108	HồNhr Ngọc	DH18SHB	Nhr	1		3,1	3,4	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	18126111	Nguyễn Trần Trí Nguyên	DH18SHD	Trí	1		3,1	2,9	6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	18126113	Trương Thanh Kim Nguyệt	DH18SHD	Kim	1		3,1	3,4	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
16	18126114	Trần Thanh Nhân	DH18SHB	Nhan	1		3,1	2,8	5,9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●

○○○○○○○○○○

○○

○

○○

○○○○○○

Mã nhận dạng 03308

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18SHD_01

Tổ Thi

002_DH18SHD_01

Tên CBGD

Tôn Trang ánh

Ngày Thi 18/06/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18126152	Lê Thị Lan	Thảo	DH18SHB		1		3,4	3,4	6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩
34	18126271	Thạch Thị	Thảo	DH18SHD		1		3,3	2,4	5,7	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩
35	18126148	Lê Minh	Thắng	DH18SHB		1		3,4	3,6	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩
36	18126159	Nguyễn Minh	Thiện	DH18SHD		1		3,2	3,6	6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩
37	18126163	Võ Thị Kim	Thoa	DH18SHB		1		3,4	3,1	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩
38	18126165	Dương Thị Kim	Thuận	DH18SHD		1		3,4	2,3	5,7	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩
39	18126172	Lê Thị Bích	Thùy	DH18SHB		1		3,3	4,1	7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩
40	18126170	Nguyễn Thị Thu	Thúy	DH18SM		1		3,1	3,4	6,5	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩
41	18126167	Nguyễn Thị Hoài	Thương	DH18SHB		1		3,3	3,7	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩
42	18126177	Hồ Bảo	Tín	DH18SHA		1		3,4	3,5	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩
43	18126178	Lê Bùi Trung	Tín	DH18SHB		1		3,3	2,9	6,2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩
44	18126179	Nguyễn Hữu	Tín	DH18SHD		1		3,2	3,5	6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩
45	18126180	Phan Huỳnh Thanh	Tín	DH18SHA		1		3,2	3,1	6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩
46	18126181	Mai Thị Xuân	Tinh	DH18SM		1		3,1	3,1	6,2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩
47	18126187	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DH18SHD		1		3,4	4,0	7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩
48	18126189	Trần Thị Thanh	Trang	DH18SHD		1		3,1	3,8	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩

○○○○○○○○○○

○○

○

○○

○○○○

○○

Mã nhận dạng 03308

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18SHD_01

Tổ Thi

002_DH18SHD_01

Tên CBGD

Tôn Trang ánh

Ngày Thi 18/06/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18126190	Cao Minh Trí	DH18SHB		0		3,3	0,0	3,3	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	18126191	Nguyễn Lê Minh Trí	DH18SHB		1		3,3	4,5	7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
51	18126202	Nguyễn Thanh Tùng	DH18SHA		1		3,5	3,8	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	18126204	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	DH18SHB		1		3,4	2,9	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	18126201	Nguyễn Thị Bé Tư	DH18SHB		1		3,5	3,1	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
54	18126207	Nguyễn Võ Thúy Vi	DH18SHB		1		3,1	3,3	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
55	18126210	Phạm Đức Vinh	DH18SHD		0		3,1	0,0	3,1	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
56	18126211	Nguyễn Quốc Vũ	DH18SHB		1		3,3	3,7	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
57	18126213	Trần Quốc Vương	DH18SHD		1		3,2	3,1	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
58	18126222	Lê Thị Kim Yến	DH18SHB		1		3,3	3,7	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
59	18126223	Phan Lê Hải Yến	DH18SHA		1		3,3	3,4	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi 56 Số sinh viên vắng03

Ngày 18 Tháng 7 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Đỗ Ngọc Tiên
Ngày in : 23/05/2019

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Quyên

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

PGS.TS. Trần Thị Lê Minh

Cán Bộ Chấm Thi 1

Tôn Trang Ánh

Cán Bộ Chấm Thi 2

Mã nhận dạng 03307

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18SHD_01**

Tổ Thi **001_DH18SHD_01**

Tên CBGD

Tôn Trang ảnh

Ngày Thi **18/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18126001	Nguyễn Duy An	DH18SHB		✓		✓	✓		○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	18126002	Hà Kiều Anh	DH18SHD		1		3,2	2,8	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18126004	Lê Thị Phương Anh	DH18SHD		1		3,2	3,8	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18126007	Vũ Ngọc Ánh	DH18SHD		1		3,1	3,3	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	18126009	Hoàng Thái Bảo	DH18SHA		1		3,3	3,6	6,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
6	18126010	Nguyễn Gia Bảo	DH18SHA		✓		3,3	✓	3,3	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	18126018	Trần Anh Cường	DH18SHB		1		3,3	3,5	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
8	18126023	Nguyễn Thị Thu Diễm	DH18SHA		1		3,5	3,2	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
9	18126028	Đào Phạm Anh Duy	DH18SHB		1		3,5	3,5	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	18126030	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	DH18SM		1		3,1	3,0	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	18126020	Lê Thị Kim Đào	DH18SHB		✓		3,6	✓	3,6	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
12	18126254	Quảng Thị Anh	DH18SHB		1		3,3	4,8	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	18126021	Nguyễn Thành Đạt	DH18SHB		1		3,3	2,9	6,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18126031	Huỳnh Thị Hồng Gấm	DH18SHD		1		3,6	3,1	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
15	18126033	Nguyễn Khánh Ngọc Hà	DH18SHB		1		3,2	3,8	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	18126035	Nguyễn Cao Hoài Hải	DH18SHD		1		3,5	3,7	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

○○○○○○○○○○

○○

○ ○

○○○○○○ ○

Mã nhận dạng 03307

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18SHD_01**

Tổ Thi **001_DH18SHD_01**

Tên CBGD

Tôn Trang ánh

Ngày Thi **18/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18126039	Ngô Thanh Hạnh	DH18SHA	<i>Handwritten signature</i>	1		3,1	4,6	7,7	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
18	17126034	Văn Nhật Hào	DH17SHA	<i>Handwritten signature</i>	1		3,1	4,0	7,1	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
19	18126042	Nguyễn Thị Như Hào	DH18SHD	<i>Handwritten signature</i>	1		3,6	2,4	6,0	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18126044	Phạm Hùng Hậu	DH18SHD	<i>Handwritten signature</i>	1		3,1	3,5	6,6	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
21	18126047	Nguyễn Thị Hiệp	DH18SHD	<i>Handwritten signature</i>	1		3,1	3,0	6,1	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
22	18126048	Sầm Minh Hiếu	DH18SHA	<i>Handwritten signature</i>	1		3,2	3,5	6,7	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
23	18126052	Lý Trung Hoàng	DH18SM	<i>Handwritten signature</i>	1		3,1	3,0	6,1	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
24	18126053	Nguyễn Minh Hoàng	DH18SHD	<i>Handwritten signature</i>	1		3,5	3,9	7,4	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
25	18126060	Huỳnh Thị Bích Hường	DH18SHB	<i>Handwritten signature</i>	1		3,6	3,2	6,8	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
26	18126262	K' Jáp	DH18SHB	<i>Handwritten signature</i>	1		3,1	2,1	5,2	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
27	18126067	Phan Công Khanh	DH18SHB	<i>Handwritten signature</i>	1		3,3	3,0	6,3	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
28	18126068	Trần Thanh Khiêm	DH18SHB	<i>Handwritten signature</i>	1		3,5	4,1	7,6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
29	17126900	Lưu Thị Bích Kiều	DH17SHB	<i>Handwritten signature</i>	1		3,4	2,9	6,3	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
30	18126077	Nguyễn Thị Lan	DH18SHD	<i>Handwritten signature</i>	1		3,6	3,3	6,9	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
31	18126074	Hoàng Gia Lâm	DH18SHD	<i>Handwritten signature</i>	1		3,5	4,3	7,8	○ ○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
32	18126080	Trần Gia Linh	DH18SHB	<i>Handwritten signature</i>	1		3,6	3,2	6,8	○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9

○○○○○○○○○○

○○

○ ○

○○○○○

Mã nhận dạng 03307

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18SHD_01**

Tổ Thi **001_DH18SHD_01**

Tên CBGD

Tôn Trang ánh

Ngày Thi **18/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18126082	Trịnh Hoài Linh	DH18SHB		1		3,6	3,1	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	18126083	Đỗ Thị Kim Loan	DH18SHB		1		3,1	3,2	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	18126085	Đặng Xuân Long	DH18SHD		1		3,2	3,3	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi **32** Số sinh viên vắng **03**

Ngày 18 Tháng 7 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____



Nguyễn Lê Trúc Phương



PGS.TS. Trần Thị Lệ Minh



Tôn Trang Ánh

Mã nhận dạng 03310

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114)**

Số Tín Ch **2**

Nhóm Thi **DH18SM_02**

Tổ Thi **002_DH18SM_02**

Tên CBGD

Tôn Trang ảnh

Ngày Thi **18/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18126075	Nguyễn Vĩnh Lâm	DH18SHB		1		3,4	2,8	6,2	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	18126079	Phạm Thị Linh	DH18SM		1		3,2	3,1	6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
3	18126081	Trần Thị Ngọc Linh	DH18SM		1		3,6	2,4	6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	18126089	Nguyễn Khắc Xuân Ly	DH18SHA		1		3,0	2,6	5,6	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
5	18126093	Đỗ Đình Mến	DH18SHA		1		3,2	3,5	6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
6	18126101	Dương Thị Ngân	DH18SHB		1		3,4	4,0	7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
7	18126102	Nguyễn Hoài Tân	DH18SHB		1		3,4	3,3	6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
8	18126103	Trần Thị Kim Ngân	DH18SHD		1		2,9	4,0	6,9	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●
9	18126104	Võ Ngọc Kim Ngân	DH18SHB		1		3,2	2,7	5,9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●
10	18126105	Võ Thị Kim Ngân	DH18SHD		1		2,2	3,9	7,1	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	18126107	Hoàng Trọng Nghĩa	DH18SHD		1		3,2	2,1	5,3	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
12	18126265	Trần Giang Đại	DH18SHA		1		3,1	2,8	5,9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●
13	18126109	Hồng Minh Ngọc	DH18SHA		1		3,2	2,3	5,5	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	18126112	Trần Ngọc Thảo Nguyên	DH18SM		1		3,2	2,7	5,9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●
15	18126115	LƯU Hoàng Nhi	DH18SM		1		2,9	2,8	5,7	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
16	18126116	Nguyễn Mai Uyên	DH18SHA		1		2,9	3,5	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨

○○○○○○○○○○

○○

○

○

○○○○○○

Mã nhận dạng 03310

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18SM_02**

Tổ Thi **002_DH18SM_02**

Tên CBGD

Tôn Trang ảnh

Ngày Thi **18/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18126171	Đặng Thị Ngọc Thùy	DH18SM		1		2,9	3,5	6,4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
34	18126173	Nguyễn Thị Bích Thủy	DH18SM		1		3,6	4,5	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	18126168	Ngô Thanh Thúy	DH18SM		1		2,9	4,1	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	18126166	Nguyễn Trần Thúc	DH18SHA		1		3,1	4,3	7,4	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
37	18126272	Lương Thùy Tiên	DH18SM		1		3,1	2,6	5,7	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
38	18126176	Phan Bá Bảo Tin	DH18SHA		1		3,6	3,7	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
39	18126184	Đinh Thị Thu Trang	DH18SM		1		3,6	3,4	7,0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	18126185	Lê Quỳnh Trang	DH18SM		1		3,2	2,8	6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	18126273	Trần Thị Huyền	DH18SHA		1		2,9	3,1	6,0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
42	18126183	Nguyễn Huyền Trân	DH18SM		1		3,1	2,8	5,9	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧●
43	18126192	Đỗ Thị Trinh	DH18SHA		1		2,9	3,7	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
44	18126194	Trần Thị Thúy Trinh	DH18SHA		1		2,9	3,2	6,1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	18126196	Nguyễn Thanh Trúc	DH18SM		1		3,4	3,2	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
46	18126198	Trần Thị Thanh Trúc	DH18SM		1		2,9	3,2	6,1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
47	18126200	Lê Thị Ngân Tú	DH18SM		1		3,6	3,2	6,8	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
48	18126203	Vũ Thị Hồng Tươi	DH18SM		1		3,6	3,1	6,7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨

○○○○○○○○○○

○○

○

○

○○○○○

○○

Mã nhận dạng 03310

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18SM_02**

Tổ Thi **002_DH18SM_02**

Tên CBGD

Tôn Trang ánh

Ngày Thi **18/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18126205	KiềuMinh Mỹ	Uyên	DH18SHB		1		3,4	3,6	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
50	18126206	Lê Ngô	Văn	DH18SM		1		3,1	3,2	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
51	18126208	Văn Thị Tường	Vi	DH18SM		1		2,9	4,6	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
52	18126212	Nguyễn Đình	Vương	DH18SHA		1		3,1	3,4	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
53	18126218	Đình Lê Kim	Xuyến	DH18SHD		1		2,9	2,3	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
54	18126219	Bùi Thị Như	Ý	DH18SHB		1		3,4	2,8	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
55	18126221	Nguyễn Thị	Yên	DH18SM		1		2,9	3,8	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số sinh viên dự thi **55** Số sinh viên vắng **0**...

Ngày **18** Tháng **7** Năm **2019**

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Xuân Anh

Trần Thị Nguyệt Diệp

PGS.TS. Trần Thị Lệ Minh

Tôn Trang Ánh

Ngày in : 23/05/2019



Mã nhận dạng 03309

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18SM_02**

Tổ Thi **001_DH18SM_02**

Tên CBGD

Tôn Trang ảnh

Ngày Thi **18/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18126003	Lê Thị Kim Anh	DH18SHA		1		3,0	3,1	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	18126005	Nguyễn Tuấn Anh	DH18SHB		1		3,4	3,2	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	18126008	Hồ Vũ Xuân Bào	DH18SM		1		3,2	3,1	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	18126011	Lê Thanh Bình	DH18SM		1		3,4	3,5	6,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
5	18126253	Lý Trí Cảnh	DH18SHA		1		3,1	2,7	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
6	18126012	Trần Thục Cẩm	DH18SHA		0		3,0	0,0	3,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	18126013	Nguyễn Thị Tuyết Chi	DH18SM		1		3,1	3,3	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	18126017	Hồ Thị Kim Cương	DH18SHD		1		3,6	3,2	6,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
9	18126022	Nguyễn Ngọc Diễm	DH18SM		1		3,1	4,0	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	18126024	Võ Thảo Du	DH18SHA		1		3,0	3,3	6,3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	18126026	Võ Ngọc Dũng	DH18SHB		1		3,4	3,7	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	18126027	Huỳnh Phạm Đại Dương	DH18SHD		1		3,4	2,1	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	18126019	Ngô Nhật Kim Đăng	DH18SHA		1		3,0	2,8	5,8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
14	18113016	Trần Hà Đăng	DH18SHA		1		3,4	2,6	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	18126025	Hà Minh Đức	DH18SHB		1		3,4	3,7	7,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	18126257	Lương Thị Hà	DH18SHA		1		2,9	2,7	5,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

Mã nhận dạng 03309

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18SM_02**

Tổ Thi **001_DH18SM_02**

Tên CBGD

Tôn Trang ánh

Ngày Thi **18/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18126034	Trần Lê Nhật	HẠ	DH18SM		1	2,9	3,0	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
18	18126038	Hồ Mỹ	Hạnh	DH18SM		1	2,9	3,4	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	18126258	Ma Thị Hồng	Hạnh	DH18SHB		1	3,4	3,0	6,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	18126037	Trần Thị Ngọc	Hân	DH18SHA		1	3,0	3,5	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	18126043	Nguyễn Văn	Hậu	DH18SHA		1	3,6	4,1	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
22	17126040	Võ Văn	Hiệp	DH17SM		1	3,4	3,8	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	18126051	Đỗ Nhật	Hoàng	DH18SM		1	3,1	2,0	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	18126056	Đoàn Thị	Huệ	DH18SHA		1	3,6	3,9	7,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	18126061	Nguyễn Thanh	Huy	DH18SHA		1	3,6	3,1	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
26	18126063	Phạm Thanh	Huy	DH18SHA		1	3,2	3,5	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
27	18126064	Vũ Hoàng	Huy	DH18SHA		1	3,6	3,5	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	18126065	Lương Thanh	Huyền	DH18SHA		0	3,2	0,0	3,2	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	18126059	Cao Thị Cẩm	Hường	DH18SHA		1	3,0	3,7	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
30	18126261	H' Joan	Hwing	DH18SHA		1	3,6	1,5	5,1	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	18126066	Võ Thành	Khang	DH18SHA		1	3,2	4,1	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	18126069	Võ Đăng	Khoa	DH18SM		1	3,1	2,8	5,9	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●

○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○

○ ○

○

○

○ ○ ○ ○ ○ ○

Mã nhận dạng 03309

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Quản lý an toàn phòng thí nghiệm(21114**

Số Tín Ch **2**

Nhóm Thi **DH18SM_02**

Tổ Thi **001_DH18SM_02**

Tên CBGD

Tôn Trang ảnh

Ngày Thi **18/06/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18126071	Nguyễn Kim Thanh	Kiều	<i>W</i>	1		3,6	3,7	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
34	18126072	Lê Hoàng Vạn	Kim	<i>Kim</i>	1		3,2	3,4	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
35	18126076	Đặng Thị	Lan	<i>lane</i>	1		3,1	3,5	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi **33** Số sinh viên vắng **02**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Thường Phi Yên

Tôn Bảo Linh

PGS.TS. Trần Thị Lệ Minh